

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

## [TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI]

### Mã học phần: CHC32021– Số tín chỉ: 02

Dùng cho ngành: Ngôn ngữ Anh

Chuyên ngành: Anh-Trung

Điều kiện tiên quyết: Tổng hợp tiếng Trung 2

Hình thức đào tạo: Trực tiếp/trực tuyến

Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại Ngữ

#### 1. Thông tin chung về học phần

Đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Trung Quốc có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, kiến thức, kỹ năng, tác phong nghề nghiệp, có sức khỏe tốt và khả năng thích ứng cao để làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Trung Quốc, đáp ứng đòi hỏi của thị trường lao động và nhu cầu hội nhập quốc tế của đất nước.

Học phần góp phần đạt chuẩn đầu ra A2, B1, B3, C3, C4 của CCĐT cử nhân Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Anh-Trung trường Đại học QL và CN Hải Phòng.

Học phần Tiếng Trung thương mại nhằm giúp người học:

- G1: Nắm vững kiến thức ngữ âm tiếng Hán, có khả năng phân biệt âm và ngữ điệu, nói lưu loát và phát âm chuẩn, đọc đúng ngữ âm, ngữ điệu các bài đọc.
- G2: Có kiến thức từ vựng phong phú theo các chủ đề, hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc, hiểu ý nghĩa của các câu ngạn ngữ, thành ngữ, danh ngôn tiếng Hán trong học phần.
- G3: Nắm vững và sử dụng chuẩn xác các hiện tượng ngữ pháp được học để vận dụng đặt câu, viết đoạn văn và làm các bài tập có liên quan.
- G4: Vận dụng tốt bốn kỹ năng nghe – nói – đọc – viết, biết cách đặt câu, nối câu, dựng đoạn đề có đoạn văn hoàn chỉnh; kể lại sự việc; có khả năng biểu đạt trong các tình huống giao tiếp khác nhau,...
- G5: Có khả năng vận dụng tốt kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin để hỗ trợ môn học chuyên ngành.
- G6: Có khả năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm và khả năng tự học, tự nghiên cứu, độc lập tư duy, giải quyết vấn đề.
- G7: Tự tin trong giao tiếp. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá; tôn trọng và yêu quý giảng viên, bạn bè. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và yêu thích, say mê học tập.

**2. Chữ viết tắt: G= mục tiêu; a=CDR kiến thực; b=CDR kỹ năng; c=CDR năng lực tự chủ**

#### 3. Chuẩn đầu ra của học phần

Sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc sau khi học xong học phần Tiếng Trung thương mại phải đạt những tiêu chuẩn sau:

##### 3.1. Kiến thức

- a1: Hiểu và vận dụng thành thạo những kiến thức ngữ pháp, cấu trúc câu được học về thương mại và vận dụng linh hoạt trong giao tiếp thương mại với người Trung Quốc.
- a2: Có kiến thức, hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc để làm nền tảng cơ bản cho việc nghiên cứu, tìm hiểu và ứng dụng kiến thức chuyên ngành; Có năng lực chuyên môn, sử dụng thành thạo các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung Quốc để ứng phó, giải quyết các tình huống giao tiếp và có thể làm việc ở các vị trí khác nhau như biên - phiên dịch viên, hướng dẫn viên du lịch, nhân viên, nghiên cứu viên,... có liên quan đến các ngành nghề sử dụng đến tiếng Trung Quốc hoặc tham gia học tập ở bậc cao hơn.
- a3: Biết sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và một số dịch vụ Internet hỗ trợ việc học tập, tra cứu; tiếp cận được với môi trường làm việc trực tuyến sử dụng công nghệ hiện đại.

##### 3.2. Kỹ năng

- b1: Sử dụng thành thạo cả bốn kỹ năng nghe – nói – đọc – viết tiếng Trung Quốc tương

đương trình độ HSK cấp 4

- b2: Có các kỹ năng mềm cơ bản như: kỹ năng giao tiếp, ứng xử, tranh luận, thuyết trình, hợp tác, làm việc nhóm,...

- b3: Có kỹ năng giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo, có khả năng lập luận, tư duy khoa học, làm việc độc lập, có năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi theo hướng tích cực trong nghề nghiệp.

- b4: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để có thể tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức của bản thân, hoàn thành được yêu cầu của học phần cũng như tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời.

### **3.3. Phẩm chất, thái độ**

- c1: Có tinh thần làm việc chủ động, khả năng tự lập trong cuộc sống, khả năng tư duy độc lập, sống có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường.

- c2: Tự tin giao tiếp bằng ngoại ngữ trong môi trường đa văn hóa; có năng lực sử dụng công nghệ thông tin để làm việc và kết nối thông tin Quốc tế.

- c3: Có tinh thần hợp tác, khả năng làm việc đội nhóm; thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, môi trường làm việc có nhiều nền văn hóa.

- c4: Không ngừng học học trau dồi kiến thức, kỹ năng cho bản thân để hoàn thành công việc tốt hơn. Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Nhiệt tình, say mê và tích cực tìm tòi học hỏi, khám phá để bổ sung kiến thức trong công việc và cuộc sống. Biết cách tìm hiểu, sàng lọc và phát hiện các vấn đề cần nghiên cứu. Biết cách xây dựng các phương án, giả thuyết để triển khai việc nghiên cứu.

### **4. Tài liệu học tập:**

#### *4.1. Giáo trình chính:*

[4.1.1]. Trần Xuân Ngọc Lan- Nguyễn Thị Tân, *30 Bài Khẩu ngữ tiếng Hoa về ngoại thương*, NXB Văn Hóa Sài Gòn, 2010. (Kèm đĩa CD)

#### *4.2. Tài liệu tham khảo:*

[4.2.1]. Trương Văn Giới, Giáp Văn Cường, Phạm Thanh Hằng, *Thư tín thương mại Hoa Việt*, NXB Tổng hợp TP HCM, 2006

[4.2.2]. Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, *Giáo trình đàm thoại thương mại Hoa Việt*, NXB Tp Hồ Chí Minh, 2012

[4.2.3]. 周红主编《商务汉语写作》学林出版社, 2010

**5. Kế hoạch dạy học:**

\* Thời lượng: 45 tiết , 04 Tiết/bài

Thời lượng	Nội dung	PPDH và PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu	Phương pháp KTĐGTX và KTĐG việc tự học của sinh viên	KQ cần đạt
4 tiết	<p><b>第一课:</b>  <b>欢迎</b>  <b>词语</b>  <b>重要句式</b>  <b>会话</b></p>	<p>-Phương pháp giải quyết vấn đề:            Xác định từ vựng trọng điểm Giải thích các cấu trúc câu quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng đặt câu            -Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm thảo luận về chủ đề học của bài            - Phương pháp đóng vai: sinh viên phân vai theo nội dung bài và tiến hành hội thoại theo chủ đề bài            - Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao            - Hình thức KTĐG:            + Kiểm tra làm bài tập trong sách và bài tập giảng viên giao</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức đã học trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>
4 tiết	<p><b>第二课:会</b>  <b>见词语</b>  <b>重要句式会话</b></p>	<p>-Phương pháp giải quyết vấn đề:            Xác định từ vựng trọng điểm Giải thích các cấu trúc câu quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng đặt câu            -Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm thảo luận về chủ đề học của bài            - Phương pháp đóng vai: sinh viên phân vai theo nội dung bài và tiến hành hội thoại theo chủ đề bài            Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao            - Hình thức KTĐG:            + Kiểm tra làm bài tập trong sách và bài tập giảng viên giao</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức đã học trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>

4 tiết	<b>第三课:</b> <b>展销会词语重</b> <b>要句式</b> <b>会话</b>	-Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định từ vựng trọng điểm Giải thích các cấu trúc câu quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng đặt câu -Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm thảo luận về chủ đề học của bài - Phương pháp đóng vai: sinh viên phân vai theo nội dung bài và tiến hành hội thoại theo chủ đề bài - Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao - Hình thức KTĐG: + Kiểm tra làm bài tập trong sách và bài tập giảng viên giao	- SV có thể vận dụng các kiến thức đã học trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
4 tiết	<b>第四课:</b> <b>价格</b> <b>词语</b> <b>重要句式</b> <b>会话</b>	-Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định từ vựng trọng điểm Giải thích các cấu trúc câu quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng đặt câu -Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm thảo luận về chủ đề học của bài - Phương pháp đóng vai: sinh viên phân vai theo nội dung bài và tiến hành hội thoại theo chủ đề bài Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao - Hình thức KTĐG: + Kiểm tra làm bài tập trong sách và bài tập giảng viên giao	- SV có thể vận dụng các kiến thức đã học trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.

4 tiết	<b>第五课: 包装</b> <b>词语</b> <b>重要句式会话</b>	-Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định từ vựng trọng điểm Giải thích các cấu trúc câu quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng đặt câu -Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm thảo luận về chủ đề học của bài - Phương pháp đóng vai: sinh viên phân vai theo nội dung bài và tiến hành hội thoại theo chủ đề bài - Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao - Hình thức KTĐG: + Kiểm tra làm bài tập trong sách và bài tập giảng viên giao	- SV có thể vận dụng các kiến thức đã học trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
--------	--	--	--	--

5 tiết	<b>第六课: 运输</b> + <b>KTGK</b> <b>词语</b> <b>重要句式</b> <b>会话</b>	-Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định từ vựng trọng điểm Giải thích các cấu trúc câu quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng đặt câu -Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm thảo luận về chủ đề học của bài - Phương pháp đóng vai: sinh viên phân vai theo nội dung bài và tiến hành hội thoại theo chủ đề bài Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao - Hình thức KTĐG: + Kiểm tra làm bài tập trong sách và bài tập giảng viên giao	- SV có thể vận dụng các kiến thức đã học trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
4 tiết	<b>第七课:</b> <b>交货</b> <b>词语</b> <b>重要句式</b> <b>会话</b>	-Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định từ vựng trọng điểm Giải thích các cấu trúc câu quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng đặt câu -Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm thảo luận về chủ đề học của bài - Phương pháp đóng vai: sinh viên phân vai theo nội dung bài và tiến hành hội thoại theo chủ đề bài Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao - Hình thức KTĐG: + Kiểm tra làm bài tập trong sách và bài tập giảng viên giao	- SV có thể vận dụng các kiến thức đã học trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.

4 tiết	第八课: 支付 词语 重要句式 会话	-Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định từ vựng trọng điểm Giải thích các cấu trúc câu quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng đặt câu -Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm thảo luận về chủ đề học của bài - Phương pháp đóng vai: sinh viên phân vai theo nội dung bài và tiến hành hội thoại theo chủ đề bài	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao - Hình thức KTĐG: + Kiểm tra làm bài tập trong sách và bài tập giảng viên giao	- SV có thể vận dụng các kiến thức đã học trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
4 tiết	第九课: 海关词语 重要句式会话	-Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định từ vựng trọng điểm Giải thích các cấu trúc câu quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng đặt câu Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm thảo luận về chủ đề học của bài Phương pháp đóng vai: sinh viên phân vai theo nội dung bài và tiến hành hội thoại theo chủ đề bài Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao - Hình thức KTĐG: + Kiểm tra làm bài tập trong sách và bài tập giảng viên giao	- SV có thể vận dụng các kiến thức đã học trong bài giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
4 tiết	第十课: 成交词语重要 句式 会话	-Phương pháp giải quyết vấn đề: Xác định từ vựng trọng điểm Giải thích các cấu trúc câu quan trọng, yêu cầu sinh viên vận dụng đặt câu -Phương pháp dạy học nhóm: chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm thảo luận về chủ đề học của bài Phương pháp đóng vai: sinh viên phân vai theo nội dung bài và tiến hành hội thoại theo chủ đề bài Giảng viên tổng kết lại nội dung của bài.	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong giờ lên lớp và qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao - Hình thức KTĐG: + Kiểm tra làm bài tập trong sách và bài tập giảng viên giao	

## 7. Đánh giá kết quả học tập

Hoạt động đánh giá của học phần gồm:

Phân loại	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chuẩn đầu ra								
			a1	a2	a3	b1	b2	c1	c2	c3	c4
Quá trình	ĐG1. TL +TN	25%	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	ĐG2. TL+TN	25%	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Kết thúc học phần	ĐG3. Bài thi kết thúc học phần	50%	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<i>Tổng cộng:</i>		100%									

## 8. Hoạt động đánh giá

**8.1. Hoạt động đánh giá 1** - Chuẩn đầu ra: **a1, a2,a3,b1,b2,c1,c2** Tỷ lệ: **25%** điểm học phần

- Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm +TL
- Mô tả bài đánh giá 1: Đánh giá kiến thức về đất nước học Trung quốc (Bài1 đến Bài 5)

**8.2. Hoạt động đánh giá 2** - Chuẩn đầu ra: **a1, a2, a3,b1,b3,c3,c4** Tỷ lệ 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm +TL
- Mô tả bài đánh giá 2: Đánh giá khả năng ứng dụng kiến thức về đất nước học Trung quốc vào giao tiếp (từ bài 6 đến bài 10)

**8.3. Hoạt động đánh giá 3 – tỷ lệ chiếm 60% điểm học phần**

**Hình thức: Bài thi cuối kì kết thúc học phần**

- Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm +TL
- Mục đích:
  - o Đánh giá năng lực ghi nhớ từ kiến thức về đất nước học trung Quốc.
  - o Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức về đất nước học Trung Quốc đã học vào giao tiếp thông thường ở cấp độ HSK 4
  - o Đánh giá khả năng làm việc độc lập
- Bài thi cuối kì được tính theo thang điểm 10

Chuẩn đầu ra: a1;a2;a3;b1;b2; c1; c2; c3; c4

## 8.4. Ma trận đánh giá

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
a1: Hiểu và vận dụng thành thạo những kiến thức ngữ pháp, cấu trúc câu được học về thương mại và vận dụng linh hoạt trong giao tiếp thương mại với người Trung Quốc.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
a2: Có kiến thức, hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc để làm nền tảng cơ bản cho việc nghiên cứu, tìm hiểu và ứng dụng kiến thức chuyên ngành; Có năng lực chuyên môn, sử dụng thành thạo các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung Quốc để ứng phó, giải quyết các tình huống giao tiếp và có thể làm việc ở các vị trí khác nhau như biên - phiên dịch viên, hướng dẫn viên du lịch, nhân viên, nghiên cứu viên,... có liên quan đến các ngành	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế



Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
nghe sử dụng đến tiếng Trung Quốc hoặc tham gia học tập ở bậc cao hơn.					
a3: Biết sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và một số dịch vụ Internet hỗ trợ việc học tập, tra cứu; tiếp cận được với môi trường làm việc trực tuyến sử dụng công nghệ hiện đại.	Sử dụng tốt	Sử dụng khá tốt	Sử dụng ở mức trung bình	Sử dụng ở mức hạn chế	Sử dụng ở mức rất hạn chế
b1: Sử dụng thành thạo cả bốn kỹ năng nghe – nói – đọc – viết tiếng Trung Quốc tương đương trình độ HSK cấp 4	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
b2: Có các kỹ năng mềm cơ bản như: kỹ năng giao tiếp, ứng xử, tranh luận, thuyết trình, hợp tác, làm việc nhóm,...	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
b3: Có kỹ năng giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo, có khả năng lập luận, tư duy khoa học, làm việc độc lập, có năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi theo hướng tích cực trong nghề nghiệp.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
b4: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để có thể tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức của bản thân, hoàn thành được yêu cầu của học phần cũng như tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c1: Có tinh thần làm việc chủ động, khả năng tự lập trong cuộc sống, khả năng tư duy độc lập, sống có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c2: Tự tin giao tiếp bằng ngoại ngữ trong môi trường đa văn hóa; có năng lực sử dụng công nghệ thông tin để làm việc và kết nối thông tin Quốc tế.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c3: Có tinh thần hợp tác, khả năng làm việc đội nhóm; thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, môi trường làm việc có nhiều nền văn hóa.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c4: Không ngừng học học trau dồi kiến thức, kỹ năng cho bản thân để hoàn thành công việc tốt hơn. Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Nhiệt tình, say mê và tích cực tìm tòi học hỏi, khám phá để bổ sung kiến thức trong công việc và cuộc sống. Biết cách tìm hiểu, sàng lọc và phát hiện các vấn đề cần nghiên cứu. Biết cách xây dựng các phương án, giả thuyết để triển khai việc nghiên cứu.					

### 8.5 Cách tính kết quả học tập chung của học phần

Kết quả học tập chung của học phần được đánh giá theo công thức sau:

$$\Sigma = \frac{\text{ĐG1} \times 25 + \text{ĐG2} \times 25 + \text{ĐG3} \times 50}{100}$$

### 9. Các phương tiện, trang thiết bị dạy và học

Yêu cầu về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học (giảng đường, phòng máy,...):

Phòng học với diện tích phù hợp, yên tĩnh, được trang bị đầy đủ thiết bị như:

- + bàn ghế, phấn bảng, đèn, quạt, điều hòa
- + projector
- + Loa, Đài cassette
- + Lớp học không quá 35 sinh viên

Yêu cầu đối với sinh viên:

- + Dự lớp : tối thiểu 70% thời lượng môn học.
- + Bài tập : Sinh viên phải hoàn thành toàn bộ bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- + Có đầy đủ giáo trình và tài liệu học tập (băng, đĩa).
- + Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học
- + Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia xây dựng bài
- + Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ
- + Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học

### 10. An toàn của sinh viên và giảng viên

Chú ý an toàn lớp học. An toàn PCCC và cứu hộ cứu nạn

### 11. Kỷ luật, khiếu nại và hỗ trợ

Sinh viên gặp bất kỳ khó khăn gì trong quá trình học tập có thể liên hệ trực tiếp với giảng viên, Trưởng khoa/bộ môn, Văn phòng hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra của Nhà trường để được hướng dẫn, hỗ trợ.

**Chủ tịch Hội đồng  
xây dựng CTĐT ngành**

*Hải Phòng, ngày ... tháng .... năm 2023*  
**Người biên soạn**

**TS. Trần Thị Ngọc Liên**

**Tổ Tiếng Trung**